BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ NGHỀ THỦ CÔNG THỜI LÝ

ĐỖ DANH HUẤN*

Sản xuất thủ công nghiệp ra đời từ rất sớm, gần như đồng hành cùng với quá trình xác lập dấu ấn văn minh và tổ chức xã hội của người Việt cổ trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay. Thủ công nghiệp là hoạt động kinh tế đóng vai trò quan trọng trong xã hội thời Lý. Các nghề thủ công đã sản xuất ra nhiều sản phẩm đảm bảo những nhu cầu thiết yếu trong cung đình và cho đời sống nhân dân. thời Lý, sự phân công lao động và phân hóa xã hội đã diễn ra, các hoạt động kinh tế như: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đã hiện diện trong cơ cấu kinh tế. Đồng thời nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thủ công nghiệp phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân cũng như nơi cung cấp là rất cần thiết, đó có thể xem là cơ sở xã hội làm bệ đỡ cho sự ra đời và phát triển của nhiều nghề thủ công nghiệp thời kỳ này. Dựa vào tư liệu chính sử, khảo cổ học, cùng các nguồn tư liệu khác, bài viết bước đầu nhận diện về một số nghề thủ công thời Lý.

1. Nghề đúc đồng và vàng bạc

Căn cứ vào sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (viết tắt là *Toàn thư*) và *Việt Sử lược*, chúng ta biết, nghề đúc đồng được nhắc đến nhiều nhất trong số các nghề tiểu thủ công nghiệp thời Lý (*Bảng thống kê*). Sách *Việt sử lược* chép 3 lần về nghề đúc đồng, đó là vào các năm: 1042, triều đình cho đúc tiền Minh Đạo, năm 1053, nhà nước đúc chuông đồng đặt ở sân Long Trì và năm 1056, sau khi xây chùa Sùng Khánh Báo Thiên, triều đình đã phát 12.000 cân đồng trong kho nhà nước để đúc chuông đặt tại chùa này (Trần Quốc Vượng 2005: 84, 88, 90). Nghề đúc, chạm vàng bạc được *Việt sử lược* nhắc tới 2 lần vào các năm: 1057 và 1158, cả hai lần triều đình nhà Lý đều lấy vàng để đúc tượng Phạn Vương và Đế Thích nhưng ở những ngôi chùa khác nhau, đó là chùa Thiên Phúc, Thiên Thọ (1057) và chùa Thiên Phù và Thiên Hựu (1158) (Trần Quốc Vượng 2005: 91; 149-150).

Cũng liên quan tới nghề đúc đồng, sách *Toàn thư* chép triều Lý đã nhiều lần tổ chức việc đúc đồng, đó là: năm 1033, đúc chuông một vạn cân để ở lầu chuông Long Trì; năm 1035, phát 6 nghìn cân đồng đúc chuông đặt ở chùa Trùng Quang; năm 1041, phát 7.560 cân đồng đúc tượng Phật Di Lặc, hai vị Bồ Tát Hải Thanh và Công Đức cùng chuông; năm 1043, lại đúc tiền Minh Đạo ban cho các quan văn võ; năm 1052, đúc chuông lớn để ở Long Trì; năm 1056, phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn; năm 1080, đúc chuông lớn (tức chuông Quy Điền) cho chùa Diên Hựu (Ngô Sĩ Liên 1993: 256, 258, 262, 265, 269, 271; 280 - 281).

* Viện Sử học

Nếu phân lập theo hai nhóm tiểu thủ công nghiệp nhà nước và dân gian, thì rõ ràng những hoạt động đúc đồng dưới thời Lý như vừa nêu hoàn toàn thuộc phạm vi của tiểu thủ công nghiệp do nhà nước trung ương tổ chức và quản lý, vì nó đều gắn với các hoạt động của triều đình như: đúc tiền, đúc tượng Phật, đúc chuông...

Tại một số di tích mà các nhà khảo cổ học đã khai quật, điển hình như quá trình xây dựng tháp Chương Sơn (Nam Định), ngoài một số vật liệu xây dựng truyền thống, thì quá trình hoàn thiện tháp, người thợ xây dựng còn sử dụng chất liệu đồng và một số vật liệu khác để tăng phần kiên cố và vững chắc: "Ngoài đá và đất nung, tại tháp Chương Sơn, còn tìm thấy nhiều vật liệu liên kết như dây đồng, thỏi đồng, các loại chì gắn lỗ mộng" (Hà Văn Tấn 2002: 90)[1].

Ngoài ra, chính sử còn cho biết thêm một số lần triều Lý đã dùng vàng, bạc để đúc chuông và thếp tượng Phật, đó là vào các năm: 1010, phát bạc ở kho 1.680 lạng để đúc chuông lớn, treo ở chùa Đại Giáo; năm 1014, mùa thu, tháng 9, xuống chiếu phát 310 lạng vàng trong kho để đúc chuông treo ở chùa Hưng Thiên và tháng 10 của năm này, xuống chiếu phát trăm lạng bạc trong kho để đúc hai quả chuông treo ở chùa Thắng Nghiêm và tinh lâu Ngũ Phượng; mùa đông, tháng 12 (1057), làm hai chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ. Đúc hai pho tượng Phạn Vương và Đế Thích bằng vàng để phụng thờ; năm 1135, vua ngự đến quán Ngũ Nhạc để khánh thành tượng Tam tôn bằng vàng bạc (Ngô Sĩ Liên 1993: 242, 244, 244, 272, 308).

2. Nghề đóng thuyền

Cho tới nay, các dấu vết của thuyền cũng như cơ sở đóng thuyền do nhà nước trung ương thời Lý tổ chức chưa được các nhà khảo cổ học phát hiện hoặc tìm thấy ngẫu nhiên ở đâu đó, vì vậy, có thể suy luận rằng, do đa phần nguyên liệu đóng thuyền được dùng từ gỗ, nên trải qua thời gian nó đã bị tiêu biến, nên khả năng tìm lại dấu vết là rất khó khăn. Mặc dù vậy, thông qua các dòng biên chép vắn tắt trong *Toàn thư* và *Việt sử lược*, chúng ta phần nào hình dung được hoạt động tiểu thủ công nghiệp đóng thuyền dưới triều Lý đã tồn tại.

Trước đó, chúng ta đều biết, khi vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La (Thăng Long, Hà Nội), cũng được thực hiện bằng phương tiện thuyền đi trên sông: "Mùa thu, tháng 7, vua từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đỗ thuyền dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long" (Ngô Sĩ Liên 1993: 241). Như vậy, nhờ có kỹ thuật, nghề đóng thuyền đã ra đời trước đó, nên vương triều Lý vẫn kế thừa kỹ thuật đóng thuyền của thời kỳ trước để duy trì và phát triển dưới thời đại mình trị vì.

Những ghi chép trong *Toàn thư* mặc dù không nhiều, nhưng cũng giúp chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, dưới thời Lý nghề đóng thuyền đã đạt đến trình độ cao, và nếu căn cứ vào ghi chép đó, thì nghề đóng thuyền là do nhà nước tổ chức thực hiện.

Từ thống kê chưa đầy đủ, *Toàn thư* đã chép tới 9 lần, vương triều Lý ra lệnh thực hiện việc đóng thuyền, cụ thể vào các năm: Giáp Tuất (1034), đóng thuyền lớn Vạn An; Đinh Sửu (1037), tháng 8, đóng thuyền Vĩnh Xuân, đến tháng 12, đóng thuyền Nhật Quang; Quý Mùi (1043), vua

định sang năm sẽ đi đánh Chiêm Thành, xuống chiếu sai đóng các chiến thuyền hiệu Long, Phượng, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh Vũ hơn vài trăm chiếc; Kỷ Hợi (1119), đóng hai chiếc thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan. Xuống chiếu cho các quân đóng thuyền chiến, sửa đồ binh giáp, vua muốn thân đi đánh động Ma Sa (*Toàn thư*, chú Ma Sa thuộc huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình ngày nay); Đinh Mão (1147), đóng hai thuyền Vĩnh Long, Thanh Lan và hai thuyền lớn Trường Quyết, Phụng Tiên; Giáp Tuất (1154), đóng thuyền Vĩnh Chương; Quý Tỵ (1173), đóng thuyền Ngoạn Thủy; Canh Tuất (1190), đóng thuyền Ngoạn Dao; Giáp Dần (1194), đóng thuyền Thiên Long (Ngô Sĩ Liên 1993: 257, 259, 265, 289, 316, 321, 330) (*Bảng thống kê*).

Bảng thống kê nghề thủ công thời Lý qua chính sử

STT	Tên nghề	Năm	Nội dung	Trang
Sách *Việt sử lược* [2]				
1	Đúc đồng	- 1042 - 1053 - 1056	- Đúc tiền Minh Đạo. - Đúc chuông đặt ở Long Trì. - Phát 12.000 cân đồng đúc chuông.	84 88 90
2	Đóng thuyền	1106	Đóng thuyền Vĩnh Long.	111
3	Làm giấy	1215	Vua từ đình Thái Hòa ngự đến nhà Đặng. Lão ở Trương Canh, hỏi giá về nhà Nội ký ban Đỗ An ở ngõ *chỉ tác*.	193
4	Chạm khắc đá	1045	Dựng bia đại nội.	85
5	Đúc/chạm vàng bạc	- 1057 - 1158	- Lấy vàng đúc tượng Phạn Vương Đế Thích - Lấy vàng ở trong kho, thếp tượng Phạn vương, Đế Thích.	91 149 - 150
Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* [3]				
1	Đúc đồng	- 1033	- Đúc chuông một vạn cân để ở lầu chuông Long Trì.	256
		- 1035	- Phát 6 nghìn cân đồng đúc chuông đặt ở chùa Trùng Quang.	258
		- 1041	- Phát 7.560 cân đồng đúc tượng Phật Di Lặc, hai vị Bồ tát Hải Thanh và Công Đức cùng chuông.	262
		- 1043	- Lại đúc tiền Minh Đạo ban cho các quan văn võ.	265
		- 1052	- Đúc chuông lớn để ở Long Trì.	269
		- 1056	- Phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn.	271
		- 1080	- Đúc chuông lớn cho chùa Diên Hựu.	280 - 281
	Đúc vàng, bạc	- 1010	- Phát bạc ở kho 1.680 lạng để đúc chuông lớn, treo ở chùa Đại Giáo.	242
		- 1014	- Xuống chiếu phát trăm lạng bạc trong kho để đúc hai quả chuông treo ở chùa Thăng Nghiêm và tinh lâu Ngũ Phượng.	244
		- 1057	- Đúc hai pho tượng Phạn Vương và Đế	272

		- 1135	Thích bằng vàng để phụng thờ. - Vua ngự đến quán Ngũ Nhạc để khánh thành tượng Tam tôn bằng vàng bạc.	308
2	Đóng thuyền	- 1034 - 1037 - 1043 - 1119 - 1147 - 1154 - 1173 - 1190 - 1194	- Đóng thuyền lớn Vạn An. - Đóng thuyền Vĩnh Xuân, Nhật Quang. - Đóng các chiến thuyền hiệu Long, Phượng, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh Vũ hơn vài trăm chiếc. - Đóng hai chiếc thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan. - Đóng hai thuyền Vĩnh Long, Thanh Lan và hai thuyền lớn Trường Quyết, Phụng Tiên. - Đóng thuyền Vĩnh Chương. - Đóng thuyền Ngoạn Thủy. - Đóng thuyền Ngoạn Dao. - Đóng thuyền Thiên Long.	257 259 265 289 316 321 325 330 330
3	Dệt	1040	Vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc.	261
4	Tạc tượng/làm đồ thờ	1040	Vua sai thợ tạc hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm bảo phướn hơn một vạn lá.	262
5	Chạm khắc đá	- 1038 - 1045	- Mùa đông, tháng 10, dựng bia chùa Trùng Quang. - Dựng bia ở Đại Nội	259 267
6	Làm giấy	1125	Phiên *làm giấy* dâng ngọc châu tân lang.	293
7	Làm gạch ngói	1129	Người *nung ngói* ở cung Động Nhân là Nguyễn Nhân dâng con rùa mắt có sáu con ngươi.	303
8	Thợ bách tác	1145	Cấm các thợ bách tác không được làm đồ dùng theo kiểu của nhà nước tự tiện bán cho dân gian.	316

Trong số các lần nhà nước cho đóng thuyền như dẫn ở trên, thì có hai lần các thuyền được đóng để nhằm phục vụ quân đội, đó là lần chuẩn bị đánh Chiêm Thành và lần đi dẹp loạn ở động Ma Sa. Riêng lần chuẩn bị đi đánh Chiêm Thành, vua Lý Thái Tông đã ra lệnh đóng tới vài trăm chiếc thuyền - một số lượng thuyền quá lớn (nguyên văn chữ Hán: 帝以明年将伐占城詔造龍鳳魚蛇虎豹鸚鵡戰艦數百餘艘 (Ngô Sĩ Liên 1993: 125, tờ 33a-b) - *Đế dĩ minh niên tướng phạt Chiêm Thành chiếu tạo Long, Phượng, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh Vũ, chiến hạm số bách dư tao*). Nếu thực tế diễn ra đúng như lệnh của vua Lý Thái Tông trước khi đi đánh Chiêm Thành, bộ phận thợ thủ công nhà nước phải tuân theo đóng khoảng vài trăm chiếc thuyền, thì chúng ta có thể hình dung nghề đóng thuyền thời kỳ này đã phát triển cực mạnh, và để hoàn hành nhiệm vụ này, một lực lượng lao động chuyên nghiệp là thợ thủ công sẽ được huy động rất đông đảo, tổ chức thực hiện trong thời gian dài, hơn nữa, nguồn nguyên liệu cũng phải được cung ứng đầy đủ. Một điều cần thiết nữa để hoàn thành khoảng vài trăm thuyền như đã nêu, đó là cần có một khoảng không gian hay một địa bàn rộng lớn để làm khu vực chuyên đóng thuyền (tạm gọi là xưởng). Và nếu có một

khu vực như thế thì địa bàn đó ở đâu, liệu nó có thuộc các khu vực gần với các cửa sông - nơi dễ dàng nhận và vận chuyển nguyên liệu, cũng như huy động thợ thủ công là những người quen và chuyên đóng thuyền là những ngư dân tham gia vào quá trình này không? Suy từ nay để ngẫm xưa, chỉ có bộ phận cư dân chuyên nghề biển mới là những người đóng thuyền chuyên nghiệp, bộ phận cư dân châu thổ chắc ít khả năng hơn và với cư dân vùng thượng lại càng không!

Chúng tôi cho rằng, nghề đóng thuyền là một hoạt động tiểu thủ công nghiệp khó, đòi hỏi chuyên môn sâu và kỹ thuật cao so với một số nghề tiểu thủ công khác. Vì ở đây, ngoài kỹ thuật đóng thuyền, còn liên quan tới công việc chọn, xẻ và pha gỗ, kỹ thuật chống thấm nước dùng nguyên liệu gì, khả năng liên kết các tấm gỗ thành một khối để chống lại lực va đập và vận hành trong môi trường nước... Một chi tiết ghi chép trong *Việt sử lược*, khiến chúng ta hình dung được kỹ thuật đóng thuyền dưới thời Lý đã khá thuần thục (*đóng thuyền hai đáy*) và đáp ứng được những nhiệm vụ và chức năng của một con thuyền - đó là sự vận hành trên một chặng đường dài. *Việt sử lược* chép: "Bính Tuất, năm 1106, tháng 11, vua sắp có việc lôi thôi với nhà Tống, sai đóng thuyền Vĩnh Long hai đáy[4] và đóng chiến hạm[5]" (Trần Quốc Vượng 2005: 111), nguyên văn chữ Hán: "丙戌龍符元化六年[...]十一月王將有事於宋造永隆二腹舶及造戰船" (Trần Quốc Vượng 2005: 351) - *Bính Tuất Long Phù Nguyên Hóa lục niên* [...] *thập nhất nguyệt vương tướng hữu sự ư Tống tạo Vĩnh Long nhị phúc bạc cập tạo chiến thuyền*"[6].

Mặc dù chưa rõ thuyền hai đáy trong *Việt sử lược* chép được cấu tạo như thế nào, kỹ thuật đóng ra sao, nhưng bước đầu cũng hình dung được tính phức tạp và khó khăn của quá trình đóng loại thuyền này.

Nếu nhìn nhận công việc đóng thuyền năm 1043 dưới thời vua Lý Thái Tông (đóng vài trăm chiếc thuyền), thì có thể thấy hoạt động thủ công nghiệp đóng thuyền dưới triều Lý phát triển rất mạnh và phục vụ đắc lực cho an ninh quốc phòng và vận tải, giao thông thủy của triều đình. Phương tiện thuyền ở đây không chỉ đi lại tốt trên sông nước nội thủy, mà còn có khả năng đi trên biển, sang nhà Tống hay xuống Chiêm Thành.

Một điều nữa, chúng ta có thể khẳng định rằng, với môi trường sông nước, nên các hoạt động chuyên chở và đi lại của triều đình cũng như dân gian tất yếu sẽ dùng thuyền là phương tiện chủ đạo, do vậy, chắc chắn dưới triều Lý nghề đóng thuyền không chỉ được sản xuất theo chủ trương của nhà nước trung ương mà còn cả trong dân gian.

3. Nghề làm giấy

Qua chính sử, chúng ta được biết những ghi chép về nghề làm giấy rất khiêm tốn, sách *Toàn thư* và *Việt sử lược* chỉ cho chúng ta biết duy nhất một lần đề cập tới nghề làm giấy. Nếu suy luận từ thực tế lịch sử, việc sử dụng giấy trong công việc triều chính là phổ biến cũng như nhu cầu trong dân gian là rất cần thiết, bởi lẽ các chiếu chỉ, lệnh cùng nhiều văn bằng khác của nhà nước trung ương ban bố ra đều được viết trên giấy, các cấp quản lý hành chính khác cũng vậy, còn trong dân gian thì nhu cầu ghi chép hàng ngày. Hơn nữa, Phật giáo thời Lý rất thịnh hành, nên giấy còn được

dùng để in, chép kinh Phật. Như vậy, rõ ràng nghề làm giấy của nhà nước trung ương cũng như của dân gian rất phát triển thì mới đáp ứng được các công việc nêu trên.

Sách *Toàn thư* chép, dưới thời vua Lý Nhân Tông, triều đình đã có một đơn vị làm giấy, được gọi với tên là Chỉ tác phiên - 纸作藩[7] (*Phiên làm giấy*): "Ất Tỵ, Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 6 (1125), phiên làm giấy (*Toàn thư* chú thêm: Chỉ tác phiên - đơn vị thợ chuyên làm giấy) dâng ngọc châu tân lang, vua truyền không nhận" (Ngô Sĩ Liên 1993: 293). Cũng đề cập tới nghề làm giấy, sách *Việt sử lược* cho biết thêm dưới thời vua Lý Huệ Tông: "Ất Hợi, năm 1215, vua nói với quần thần rằng: "Trẫm muốn thoái vị, các khanh thấy thế nào?". Quần thần đều khóc lóc can ngăn. Vua không nghe, bèn cùng Thái hậu dùng dao cạo tóc. Ngày hôm đó, vua từ dinh Thái Hòa ngự đến nhà Đặng Lão ở Trương Canh, hỏi giá về nhà Nội kí ban Đỗ An ở Ngõ chỉ tác[8] tại cầu Tây Dương" (Trần Quốc Vượng 2005: 193). Nguyên văn chữ Hán ghi: 西陽橋纸作巷[9] - Tây Dương kiều, chỉ tác hạng (*cầu Tây Dương, Ngõ chỉ tác*).

Nếu theo ghi chép và chỉ dẫn của *Việt sử lược*, Ngõ chỉ tác thuộc khu vực cầu Tây Dương của thành Thăng Long xưa và Cầu Giấy ngày nay, thì chúng ta có thể đoán định rằng, dưới thời Lý, khu vực cầu Tây Dương - Cầu Giấy đã có những làng làm giấy cung cấp cho Kinh thành Thăng Long. Sau này, chúng ta thấy một số làng như Nghĩa Đô thuộc tiểu vùng cầu Tây Dương - Cầu Giấy, cũng có nghề làm giấy Sắc. Như vậy, phải chăng Ngõ chỉ tác nằm trong khu vực thuộc các làng làm giấy ở cầu Tây Dương xưa - Cầu Giấy hiện nay?

Từ *Chỉ tác phiên* đến *Ngõ chỉ tác*, cho phép chúng ta phân lập thành hai cơ sở, hai tổ chức làm giấy khác nhau: một của nhà nước (*Chỉ tác phiên*), được quản lý, tổ chức theo sự điều khiển của nhà nước trung ương và được tổ chức thành các *phiên* và một của dân gian (*Ngõ chỉ tác*), thuộc phạm vi sản xuất của dân gian, làng xã, vì đơn vị ngõ chỉ ở các làng xã mới có. Hơn nữa, *Ngõ chỉ tác*, cũng có thể được hiểu rộng hơn là ở đó có một làng chuyên làm giấy, mà *Ngõ chỉ tác* chỉ là một trong những địa vực của làng làm giấy đó.

4. Nghề làm gạch, ngói và đồ đất nung

Trong quá trình xây dựng Kinh đô Thăng Long và kiến thiết vương triều, nhà Lý đã ưu tiên và dành nhiều nhân lực, vật lực để xây dựng các công trình kiến trúc (kiến trúc cung điện, kiến trúc phật giáo...), mà trước hết là trong khu vực Kinh đô Thăng Long. Chính vì vậy, nhu cầu sử dụng gạch ngói cho các loại hình công trình kiến trúc đó đòi hỏi và chiếm một số lượng đồ sộ. Vậy ai là những người làm ra các sản phẩm gạch ngói đó? Quá trình đó được làm như thế nào?... Dựa trên những sản phẩm gạch ngói thời Lý mà các nhà khảo cổ học và sử học đã phát hiện, nghiên cứu, cho thấy có một bộ phận thợ thủ công tham gia vào quá trình sản xuất gạch ngói để đáp ứng nhu cầu xây dựng, kiến thiết dưới thời Lý. Sách *Toàn thư* chép năm 1010: "Lại xây dựng các cung điện trong Kinh thành Thăng Long, phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi chầu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ [...]. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An, Long Thụy làm nơi vua nghỉ. Bên tả dựng điện Nhật Quang, bên hữu xây điện Nguyệt Minh, phía sau dựng hai

cung Thúy Hoa, Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ. Dựng kho tàng, đắp thành, đào hào. Bốn mặt thành mở bốn cửa [...]. Lại ở trong thành làm chùa ngự Hưng Thiên và tinh lâu Ngũ Phụng. Ngoài thành về phía Nam dựng chùa Thắng Nghiêm" (Ngô Sĩ Liên 1993: 241). Và sau năm 1010, vương triều Lý còn cho xây dựng, sửa chữa nhiều hạng mục, nhiều công trình khác, nên nhu cầu sử dụng gạch ngói chắc còn tăng thêm.

Để làm ra các sản phẩm gạch ngói đáp ứng được yêu cầu của công trình xây dựng, người thợ thủ công phải biết chọn nguyên liệu, sau đó gia công thành những sản phẩm theo chủ ý, quá trình gia công được làm thuần túy bằng tay hay sử dụng các khuôn để chế tác? Các yếu tố kỹ thuật này do trình độ của người thợ thủ công quyết định.

Căn cứ vào các hiện vật gạch, ngói thời Lý mà chúng ta sưu tầm được, thì có rất nhiều chủng loại khác nhau, chính sự đa dạng về chủng loại đã cho thấy diện mạo và trình độ của hoạt động sản xuất thủ công nghiệp gạch ngói thời bấy giờ (Hà Văn Tấn 2002: 72 - 76; Đặng Hồng Sơn 2016).

Đối với gạch, bước đầu có thể phân chia thành các loại như: gạch hình vuông, gạch hình hộp chữ nhật, gạch có in hoa văn (hoa sen, hoa cúc, hoa mẫu đơn), gạch không in hoa văn, gạch in niên hiệu một số vua thời Lý; đối với ngói, chúng ta có: ngói âm dương, ngói mũi lá, ngói mũi hài, ngói ống (ngói ống gắn hình lá đề trang trí chim phượng, rồng, cánh sen; ngói ống gắn hình uyên ương), ngói úp nóc,... sự đa dạng về chủng loại gạch, ngói cũng phản ánh năng lực sản xuất và tư duy của người thợ thủ công, các loại gạch có hoa văn trang trí, các loại ngói gắn lá đề trang trí hình rồng, phượng, hay gắn uyên ương lại càng khẳng định tay nghề cao và trình độ sản xuất của người thợ.

Từ kết quả nghiên cứu vật liệu trang trí trên mái các công trình kiến trúc thời Lý ở Hoàng thành Thăng Long và một số địa điểm khác, tác giả Tống Trung Tín và Ngô Thị Lan cho rằng các loại ngói có gắn lá đề, được phân chia thành: lá đề lệch, lá đề cân, lá đề trang trí rồng, trang trí phượng (trong đó có trang trí một mặt và hai mặt), trang trí ngọc báu, trang trí hình tháp, trang trí hình cánh sen, hình hoa mai, hình hoa mẫu đơn... (Ngô Thị Lan, Tống Trung Tín 2007). Như vậy, với sự có mặt của nhiều loại ngói lợp và ngói trang trí trên mái các công trình kiến trúc, điều đó thể hiện sự cố gắng lớn, óc sáng tạo, bàn tay khéo léo và con mắt tinh tế của đội ngũ thợ thủ công sản xuất gạch ngói.

Bên cạnh các loại ngói lợp, ngói trang trí diềm mái, thì trên mái một số công trình kiến trúc thời Lý, đặc biệt ở Thăng Long, còn được trang hoàng bằng những phù điêu đất nung hình đầu rồng, lá đề có kích thước và trọng lượng lớn. Đối với đầu rồng, chúng ta có: "Tiêu bản 2002.BĐ.A11.VL078 ở 18 Hoàng Diệu, vỡ, màu đỏ, cao còn lại 90cm, rộng còn lại 52cm; phục nguyên cao toàn bộ 110cm, rộng 87cm, nặng khoảng 125kg. Tiêu bản 2002.BĐ.D4.VL528 ở 18 Hoàng Diệu, gần nguyên, màu đỏ có một lớp men mỏng màu vàng, cao toàn bộ 85cm, rộng 48cm" (Đặng Hồng Sơn 2016: 226 - 227). Đối với lá đề cỡ lớn: "Toàn bộ lá đề lớn được gắn trên một ngói bò nóc lớn và lợp ở giữa bờ nóc kiến trúc [...]. Tiêu bản (*trang trí rồng đôi vờn ngọc*) khai quật ở 18 Hoàng Diệu, màu đỏ tươi, sau khi phục

dựng từ các mảnh vỡ có chiều cao toàn bộ 100cm và rộng 85cm [...]. Tiêu bản (*trang trí phượng đôi vờn ngọc*) 2002.BĐ.A20.L7.VL047 ở 18 Hoàng Diệu, tương đối hoàn chỉnh, màu đỏ tươi, sau khi phục dựng cao toàn bộ 90cm và rộng 74cm; nặng 70kg" (Đặng Hồng Sơn 2016: 241, 243).

Với các sản phẩm đất nung có kích thước lớn như nêu trên, càng đòi hỏi trình độ tay nghề chế tạo, kỹ thuật khéo léo, từ khâu làm đất đến gọt tỉa, tạo hoa văn, và sau đó là kỹ thuật nung của người thợ: "Nói chung, gạch ngói thời Lý đều được làm bằng đất sét dẻo, kỹ thuật gia công và độ nung đạt trình độ cao, màu đỏ tươi hoặc đỏ xám, sức bền tốt" (Hà Văn Tấn 2002: 86).

Cũng với những sản phẩm tiểu thủ công nghiệp là đồ đất nung, đặc biệt với loại ngói có gắn thêm lá đề in hình rồng, phượng, hình uyên ương, hoa sen... trang trí trên mái các công trình kiến trúc thời Lý, có ý kiến cho rằng[10], thời Lý là thời kỳ mở đầu cho hình thức gắn lá đề và các hình trang trí khác trên ngói. Nếu nhận định này là đúng, thì càng chứng minh cho trình độ, óc sáng tạo và kỹ thuật cao của người thợ cũng như các sản phẩm thủ công làm bằng đất nung dưới thời Lý.

Theo kết quả nghiên cứu khảo cổ học, các sản phẩm đất nung như ngói có gắn và trang trí hình rồng, phượng vừa nêu trên được làm ra qua hai hình thức, thứ nhất là sử dụng khuôn in, và thứ hai là làm bằng tay[11].

Một minh chứng cho kỹ thuật dùng khuôn in của người thợ thủ công thời Lý khi sản xuất các sản phẩm đất nung là việc in niên hiệu một số vị vua lên gạch. Bên cạnh các loại gạch có in hoa văn và gạch trơn, dưới thời Lý, người thợ thủ công còn sản xuất thêm một loại gạch trơn không in hoa văn nhưng lại in chữ ghi niên hiệu của một số vị vua thời Lý. Loại gạch này được phát hiện ở một số nơi như: Hoàng thành Thăng Long (số 18 Hoàng Diệu, tại điện Kính Thiên, Hậu Lâu, và số 62 - 64 Trần Phú), ở đàn Nam Giao thuộc Kinh thành Thăng Long (đường Lê Đại Hành, Hà Nội), ở chùa, tháp Sùng Khánh Báo Thiên (thuộc chùa Báo Thiên, Hoàn Kiếm, Hà Nội), ở chùa, đền Sùng Phúc (Gia Lâm, Hà Nội), ở tháp, chùa Phật Tích (Bắc Ninh), ở tháp Tường Long (Đồ Sơn, Hải Phòng), ở tháp Sùng Thiện Diên Linh (Duy Tiên, Hà Nam), ở chùa Hưng Phúc (Lục Nam, Bắc Giang), ở đền Cầu Từ (Lục Ngạn, Bắc Giang), ở tháp Vạn Phong Thành Thiện (Ý Yên, Nam Định)... Các niên hiệu của một số vua thời Lý được khắc in trên gạch là: 李家第三帝龍瑞太平四年造 - *Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo* (vua Lý Thánh Tông, niên hiệu *Long Thụy Thái Bình* từ năm 1055 đến năm 1058); 李家第三帝章聖家慶七年造 - *Lý gia đệ tam đế Chương Thánh Gia Khánh thất niên tạo* (vua Lý Thánh Tông, niên hiệu *Chương Thánh Gia Khánh* từ năm 1059 đến năm 1064) và 李家第四帝龍符元化五年造 - *Lý gia đệ tứ đế Long Phù Nguyên Hóa ngũ niên tạo* (vua Lý Nhân Tông, niên hiệu *Long Phù* từ năm 1101 đến năm 1109).

Căn cứ vào những điểm tương đồng trong quá trình sản xuất như: chất liệu, màu sắc, kỹ thuật khuôn in và dấu vết khắc ghi niên đại, nên khi nghiên cứu về nhóm gạch này, Đặng Hồng Sơn đã cho rằng chúng được sản xuất tại một lò và nhiều khả năng nó thuộc lò của quan xưởng nhà nước: "gạch có cùng niên hiệu có thể là gạch được sản xuất ở cùng một khu lò, sau đó mới chuyển đi các địa phương khác để xây dựng. Cho nên những viên gạch này có cùng niên hiệu và tương đồng về chất

lượng. Hơn nữa, những loại gạch này lại được phát hiện chủ yếu tại các kiến trúc mà hoàng đế hoặc người của hoàng gia ra lệnh xây dựng. Nếu gạch được sản xuất ở cùng một nơi, thì đó là nơi nào? Chúng tôi cho rằng, có thể nơi đó là Thăng Long, vì phần nhiều những loại gạch này tìm thấy ở Thăng Long và vùng phụ cận, những nơi xa thì ít có hơn" (Đặng Hồng Sơn 2017: 394 - 395)[12].

Liên quan tới hoạt động thủ công nghiệp thời Lý, mà ở đây phảng phất bóng dáng và vai trò của nhà nước trung ương tổ chức sản xuất, sách *Toàn thư* chép về nghề làm ngói như sau: "Kỷ Dậu, Thiên Thuận năm thứ 2 (1129), ngày Giáp Thân, người nung ngói ở cung Động Nhân là Nguyễn Nhân dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, trên ức có hai chữ "phổ nhạc"" (Ngô Sĩ Liên 1993: 303). Nguyên văn chữ Hán trong *Toàn thư*: 甲申洞仁宮陶甄人阮人... (Ngô Sĩ Liên 1993: 145, tờ 34a-b) - *Giáp Thân Động Nhân cung đào chân nhân Nguyễn Nhân*... Khi bàn về gạch đất nung thời Lý, Đặng Hồng Sơn nhận định về nghề làm gạch và cung Động Nhân như sau: "cung Động Nhân thời Lý là một cung điện lớn, trong đó khả năng có một khu để làm gạch ngói riêng. Từ đó có thể thấy rằng thời Lý từng tồn tại một cơ quan chuyên làm gạch ngói, người làm gạch ngói gọi là ngõa nhân, để cung cấp cho các công trình kiến trúc hoàng gia, cơ quan đó tên là gì, hiện chúng tôi chưa có cứ liệu cụ thể để bàn luận sâu hơn" (Đặng Hồng Sơn 2017: 396 - 397).

5. Nghề chế tác, điêu khắc đá

Sách *Toàn thư* chép: "Mùa đông, tháng 10 (1038), dựng bia chùa Trùng Quang" (Ngô Sĩ Liên 1993: 259). Tiếp đó, đến năm Ất Dậu, cả *Toàn thư* và *Việt sử lược* đều chép: "Ất Dậu, Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 2 (1045), dựng bia ở Đại Nội" (Ngô Sĩ Liên 1993: 267)[13]. Nếu căn cứ vào những dòng ghi chép này, thì chắc chắn bia được dựng ở chùa Trùng Quang (chưa rõ ở đâu?) và trong Đại Nội của Hoàng thành Thăng Long là bia làm bằng đá, còn nội dung bia ghi về cái gì, do ai soạn, ai khắc, chúng ta chưa biết được. Ngoài ra, chính sử không có thêm những dòng nào mô tả hay cho biết về hoạt động điêu khắc và chế tác đá của thợ thủ công thời Lý, nhưng căn cứ trên những hiện vật mà khảo cổ học đã khai quật được, hay những phế tích của các công trình kiến trúc còn lưu giữ được đến ngày nay, chúng ta có thể khẳng định rằng, nghề chế tác và điêu khắc đá dưới thời Lý đã hiện hữu trong đời sống và những sản phẩm được làm bằng đá do bàn tay, khối óc của người thợ đã đạt tới sự tuyệt mỹ, điều đó được thể hiện cụ thể qua từng tác phẩm mà người thợ điêu khắc đá gửi gắm vào.

Bên cạnh nguồn nguyên liệu, vật liệu là gỗ, đồ đất nung cùng đồ kim loại... thì dưới thời Lý, nguyên liệu đá sử dụng trong các công trình kiến trúc chiếm số lượng nhất định. Những vị trí mà vật liệu đá thường được sử dụng là: chân tảng, cột nhà, lan can, thành bậc, đá bó bậc... một số trường hợp đặc biệt, đá được dùng để tạc tượng, bệ tượng, xây tháp, các hình linh thú, khắc ghi văn bia... Tại một số công trình kiến trúc thời Lý, chúng ta vẫn lưu giữ được các hiện vật là minh chứng cho sản phẩm của người thợ thủ công chế tác đá thời Lý, đó là:

Tại chùa Phật Tích (Tiên Du, Bắc Ninh), có tượng Phật A di đà cùng bệ tượng bằng đá và 10 tượng thú đá, gồm: sư tử, voi, tê giác, trâu, ngựa; Tháp Chương Sơn (Ý Yên, Nam Định), còn lưu giữ một pho tượng đá và bệ tượng bằng đá; Chùa Dạm (Quế Võ, Bắc Ninh), còn một cột đá chạm rồng kỳ bí và các tầng nền các công trình kiến trúc được bó bằng đá, ngoài ra còn có một số chân

tảng làm từ đá; Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (Hậu Lộc, Thanh Hóa), còn giữ được ba bệ tượng bằng đá và một bia đá; Chùa Sùng Thiện Diên Linh (còn gọi là chùa Đọi, ở Duy Tiên, Hà Nam), vẫn còn một bia đá, và sáu bức tượng Kim Cương bằng đá; Chùa Hoàng Kim (Quốc Oai, Hà Nội), còn một tượng đá và bệ tượng, tại đây còn có văn bia *Tụng Phật A Di Đà*, niên đại 1099; Chùa Chèo (Hiệp Hòa, Bắc Giang), vẫn có một bệ tượng bằng đá chạm hình hoa sen và sóng nước; Chùa Bà Tấm (Gia Lâm, Hà Nội), còn hai đầu tượng sư tử và thành bậc bằng đá; Chùa Thày (Quốc Oai, Hà Nội), còn một bệ tượng bằng đá; Chùa Huỳnh Cung (Thanh Trì, Hà Nội), cũng có tượng và bệ tượng làm bằng đá.

Đặc biệt, hiện nay chúng ta vẫn bảo lưu được 17 văn bia các loại được tạo tác dưới thời Lý là: Văn bia chùa Minh Tịnh (*Minh Tịnh tự bi văn*), Tụng Phật *A Di Đà* (*A di đà Phật tụng*), Văn bia chùa Báo Ân núi An Hoạch (*An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký*), Bia chùa Bảo Ninh núi Sùng Phúc (*Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi*), Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (*Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh*), Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh (*Đại Việt quốc Lý gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi*), Văn bia chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni (*Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh*), Văn bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn (*Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh*), Văn bia chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt (*Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh*), Văn bia Thái úy Lý công nước Đại Việt (*Cự Việt quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự*), Mộ chí Thái phó Lưu Khánh Đàm (*Hoàng Việt Thái phó Lưu quân mộ chí*), Văn bia chùa An Tiêm (*Đại Chu Ma Sơn Áng Đại Quang Thánh nham bi*), Mộ chí Phụng Thánh Phu nhân họ Lê (*Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí*), Mộ chí bà Bảo Chưởng (*Bảo Chưởng Thái bà mộ chí*), Văn bia chùa Viên Quang (*Viên Quang tự bi minh*), Văn bia chùa Báo Ân (*Báo Ân Thiền tự bi ký*) và Văn bia chùa Chúc Thánh Báo Ân (*Chúc Thánh Báo Ân tự bi*)[14].

Ngoài các chi tiết đá có hình khối vuông hay chữ nhật được xẻ trơn dùng để bó bậc, bó nền... thì các tác phẩm đá còn lại đều được chế tác và gia công cầu kỳ, tinh tế, nét tinh tế đó, không thể không nói đến sự khéo léo của người thợ thủ công làm đá, đó là các sản phẩm trạm hình tiên nữ, hình vũ công, trạm khắc hình rồng phượng, hình hoa cúc, hoa lá, hình sóng nước, hình cánh sen, hình lá đề, hình thú... Trong số đó, có những tác phẩm có kích cỡ lớn, trang trí tỷ mỉ, ví như tượng Phật chùa Phật Tích, cột đá chùa Dạm...

Những ghi chép hay mô tả của chính sử về quá trình tạo tác các sản phẩm điêu khắc thủ công nghiệp từ chất liệu đá rất hiếm hoi, hơn nữa, nguồn tư liệu ghi chép về quá trình khai thác nguyên liệu đá như thế nào và ở đâu để làm nên những sản phẩm thủ công nghiệp bằng đá lại càng ít có. Từ kết quả nghiên cứu trước đó và qua quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy, các sản phẩm được làm bằng đá, chủ yếu tập trung vào hai loại chất liệu đá, *thứ nhất* là đá xanh mịn, độ cứng cao, với loại đá này, phù hợp cho việc tạo khắc các bia đá, *thứ hai*, là đá cát, với đặc tính mềm, dễ gia công, nên thường được sử dụng cho việc chế tác tượng Phật, các loại phù điêu, các hình hoa lá, trang trí rồng... Từ kết quả nghiên cứu về nghệ thuật điêu khắc thời Lý, Trần, tác giả Tống Trung Tín nhận xét: "Hầu hết các tác phẩm các chủ đề và các mô típ [...] thời Lý đều được làm bằng đá xanh hạt mịn, hoặc các loại đá cát (các tượng chư Phật, chư thần, các bệ tượng, bia đá, các bức chạm trên các thành phần kiến trúc...)" (Tống Trung Tín 1997: 143).

Làng Nhồi, tên chữ là Nhuệ Thôn, ngày nay thuộc thành phố Thanh Hóa, nơi đây có nghề chế tác đá truyền thống từ lâu đời, có lẽ các văn bia niên đại thời Lý hiện còn trên đất Thanh Hóa

nhiều khả năng được thợ đá làng Nhồi chế tác và cung cấp. *Văn bia chùa Bảo Ân núi An Hoạch* (An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký) còn ghi lại nơi đây có nguồn nguyên liệu đá quý: "Ở phía Tây Nam huyện có một quả núi lớn và cao tên là An Hoạch, nơi đây sản xuất ra nhiều đá đẹp. Đá ấy là sản vật quý của nhà nước. Sắc óng ánh như ngọc lam, chất xanh xanh tựa khói nhạt. Đục đá ấy làm khí cụ, ví như: tạc làm khánh, khi đánh thì tiếng ngân muôn dặm, dùng làm bia, văn chương còn bền mãi ngàn đời" (Văn bia thời Lý 2010: 73).

Trong số 17 văn bia thời Lý hiện nay chúng ta còn lưu giữ được, có rất ít văn bia đề cập tới danh tính của người thợ đá đã tham gia vào việc dựng lên hình hài các văn bia. Do đó, chúng ta cũng không có tư liệu để tìm hiểu về thợ thủ công chế tác đá làm văn bia, duy nhất có *Văn bia chùa Minh Tịnh* (Minh Tịnh tự bi văn), cho chúng ta biết qua một vài từ ngắn ngủi: "Thợ đá là Tô Diên Thái tạc bia. Thợ đá Hoàng Bố, Hoàng Thiệu cùng tạo dựng" (Văn bia thời Lý 2010: 50). Nguyên văn chữ Hán: 匠人蘇延太鑿, 匠人黃布, 黃紹等構造 - Tượng nhân Tô Diên Thái, tượng nhân Hoàng Bố, Hoàng Thiệu đẳng cấu tạo (Văn bia thời Lý 2010: 44).

6. Nghề làm gốm sành, sứ

Cho tới nay, các sản phẩm gốm sứ thời Lý đã được các nhà nghiên cứu phát hiện được nhiều tiêu bản và nhiều chủng loại, đặc biệt là thông qua kết quả khai quật khảo cổ học, thậm chí, các nhà khảo cổ còn đánh giá rất cao kỹ thuật sản xuất, cũng như các sản phẩm gốm sứ thời Lý[15]. Mặc dù vậy, việc chỉ ra một trung tâm, một lò chuyên sản xuất gốm thời Lý, mà ở đó có dấu vết của lò nung, cùng các phế phẩm liên quan đến quá trình sản xuất như con kê, bao nung, chồng dính, các phiên bản lỗi... thì nguồn tư liệu vẫn chưa cho phép. Bên cạnh gốm sứ là dòng sản phẩm được đề cao, thì thời Lý còn có cả gốm sành, dòng sản phẩm này cũng khá đa dạng về chủng loại và kiểu dáng.

Về các loại sản phẩm gốm sứ thời Lý, chúng ta có bát, đĩa, bình, thạp, liễn, hộp, các mô hình tháp... với gốm sành, chủ yếu tập trung vào dòng sản phẩm là âu và lon. Đặc biệt, qua kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở Hoàng thành Thăng Long, tại 18 Hoàng Diệu, chúng ta được biết, dưới thời Lý còn có gốm sứ hoa nâu, men trắng, men xanh lục, men xanh ngọc, men vàng, đây đều là những sản phẩm gốm sứ cao cấp (Bùi Minh Trí 2016: 96).

Thông qua nhiều loại sản phẩm, mà ở đó, tay nghề và trình độ của người thợ gốm sứ đã được khẳng định họ là những người thợ có bàn tay tài hoa và khéo léo để đưa các sản phẩm gốm sứ đạt tới đỉnh cao về thẩm mỹ, đó là kỹ thuật khắc in hoa văn chìm và kỹ thuật in đắp nổi dưới men (Hà Văn Tấn 2002: 108 - 109). Một số di vật gốm sứ trắng là những mảnh bệ tháp tìm thấy ở Hoàng thành Thăng Long còn được trang trí hình rồng, hình tiên nữ (*Apsara*), càng cho thấy óc thẩm mỹ và trình độ điêu luyện của người thợ làm gốm thời Lý.

Để cho ra lò những sản phẩm gốm sứ tinh xảo, bên cạnh kỹ thuật chế tạo khéo léo, còn đòi hỏi ở họ một trình độ nung tốt, nhiệt độ luôn đảm bảo, không quá non, cũng không quá già. Nếu nhiệt độ nung chưa đạt, sản phẩm trong lò sẽ bị sống, ngược lại, nếu nhiệt độ nung vượt quá mức cho phép, sản phẩm sẽ bị rạn nứt, vênh, méo, tạo thành những phế phẩm, chồng dính. Để khắc phục

những rủi ro có thể gặp phải trong quá trình nung, người thợ gốm đã sử dụng nhiều thủ pháp như: bao nung, con kê, bột chống dính, kỹ thuật ve lòng... Riêng đối với kỹ thuật dùng bao nung, người thợ gốm có thể nung một sản phẩm hay nhiều sản phẩm trong một bao nung. Nhờ bao nung, sản phẩm gốm không tiếp xúc trực tiếp với nhiệt độ trong lò, mà nó sẽ chín nhờ nhiệt độ gián tiếp truyền qua bao nung. Còn với thủ pháp con kê, họ có thể dùng con kê hình vành khăn, con kê ba chân hay bốn chân... nhờ đó, người thợ có thể nung nhiều sản phẩm trong một bao nung, mà ở đó giữa các sản phẩm được ngăn cách nhau bởi con kê. Khi nung ở nhiệt độ cao, lớp men phủ bề ngoài sẽ chảy ra, do đó, nhờ có con kê mà các sản phẩm gốm sẽ không bị dính vào nhau. Nghiên cứu về kỹ thuật nung gốm sứ thời Lý, Tống Trung Tín đã lý giải: "Kỹ thuật [...] sử dụng bột chống dính có màu trắng đục bôi lên mép đế chống dính, do vậy sau khi nung thành phẩm không bị dính nhưng còn lại vết bột chống dính và phần mép chân đế trên đồ gốm rất rõ. Tuy nhiên, để khắc phục vết chống dính để lại trên đồ gốm, người thợ gốm thời Lý đã gia công bột rất kỹ và cẩn thận, chất liệu bột được pha chế nhỏ mịn, các dấu vết để lại có khi phải nhìn kỹ mới thấy rõ. Đặc biệt, chân đế được chế tác theo hướng càng nhỏ diện tích tiếp xúc càng tốt, do đó dấu vết chân đế để lại trong lòng thành phẩm rất nhỏ" (Tống Trung Tín 2017: 111). Khi so sánh kỹ thuật nung gốm sứ thời Lý với kỹ thuật nung thời Bắc thuộc, các nhà khảo cổ học đã đánh giá cao trình độ tay nghề của người thợ làm gốm, coi đây là một bước biến trong lĩnh vực này[16].

Chúng ta đã có những sản phẩm gốm sứ thời Lý tinh xảo, đã có những bao nung, cùng nhiều phế phẩm khác của quá trình sản xuất gốm sứ thời Lý, nhưng để xác định rõ ràng một lò sản xuất cụ thể, thì chúng ta chưa đủ chứng cứ. Gần đây, kết quả nghiên cứu khảo cổ học tại Thăng Long đã hé lộ và chúng ta có thêm cơ sở đoán định tại Thăng Long, nhiều khả năng đã có lò sản xuất gốm sứ dưới thời Lý: "Bằng chứng thuyết phục [...] là trong số đồ sứ trắng Lý tìm được trong Hoàng thành có những loại bát, đĩa, nắp hộp, đài sen... bị méo hoặc cháy do quá lửa cho thấy nó được sản xuất tại chỗ. Suy đoán này được khẳng định rõ khi tại các hố ở Khu D đã phát hiện được hàng nghìn mảnh bao nung gốm cùng nhiều loại con kê, dụng cụ thử men, đặc biệt là những đồ gốm lớn bị sống men [...], cho thấy khả năng có những lò sản xuất gốm thời Lý ở đâu đó quanh khu vực này" (Bùi Minh Trí 2016: 93).

Đồ gốm sành, chủ yếu là các vật dụng thường nhật như: bình, vò, lon, chậu... "kỹ thuật chế tác của nó cho thấy rõ sự tiếp nối truyền thống từ loại hình đồ sành Đương Xá thời Đinh - Lê [...]. Các loại vò sành thấp, vai cong thời Lý cũng khá nhiều và về chi tiết nó cũng đã có sự chuyển biến khác so với đồ sành thời Đinh - Tiền Lê. Điểm khác căn bản nữa là đồ sành thời Lý phổ biến được làm từ đất sét màu đỏ, được pha trộn với bã thực vật hoặc cát mịn, xương gốm dày, độ nung cao nên đanh chắc hơn so với đồ sành thời Đinh - Tiền Lê. Và dường như đồ sành thời Lý phổ biến không trang trí hoa văn, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt" (Bùi Minh Trí, Đỗ Đức Tuệ 2010: 82 - 83). Gốm sành thời Lý, cũng như các thời trước và sau Lý, đều không chú trọng tới hình thức như đồ gốm sứ, mà thiên về sự đơn giản, ưu tiên tính năng sử dụng, nên đa phần đều không có hoa văn, kiểu dáng mộc mạc, xương gốm dày, chúng thường có màu nâu hoặc đỏ nhạt. Trong quá trình chế tạo, người thợ sản xuất đã dùng kỹ thuật dải cuộn, do đó dấu ấn của thủ pháp kỹ thuật này lưu lại rất rõ trong lòng của mỗi sản phẩm, đặc biệt với các loại bình, vò và lon.

Ở các khu di tích có niên đại thời Lý, đều phát hiện được di vật gốm sành, song việc định danh địa điểm và người thợ sản xuất cụ thể là một câu hỏi còn bỏ ngỏ. Tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, 18 Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội cùng một số địa điểm khác, số lượng di vật gốm sành tìm được khá nhiều, điều này chứng tỏ thực tế là vai trò và tính phổ biến của gốm sành trong đời sống cung đình cũng như dân gian là rất cần thiết. Từ đó, chúng ta có thể suy luận rằng, chắc chắn phải có một bộ phận thợ thủ công hoặc có một hoặc nhiều địa phương, nhiều trung tâm chuyên sản xuất gốm sành để cung cấp cho nhu cầu ở Thăng Long nói riêng và đời sống nhân dân nói chung.

7. Một số nghề thủ công khác

Nghề mộc, một điều chúng ta có thể khẳng định rằng, công việc xây cất các cung điện, các công trình kiến trúc tôn giáo, hay hoạt đóng thuyền đã trình bày... đều cần đến người thợ mộc để chế tác các chi tiết, các thành phẩm lấy nguyên liệu từ gỗ. Có lẽ vì thời Lý cách ngày nay đã quá xa, nên các di vật từ gỗ không giữ được sức sống như các di vật đá, đất nung hay gốm sành sứ, nên khiến chúng ta khó hình dung các sản phẩm làm từ gỗ có quy mô và diện mạo ra sao. *Văn bia chùa Minh Tịnh* ở Hoằng Hóa, Thanh Hóa ghi rõ: "Thợ thuyền búa rìu tới tấp, phút chốc chùa đã dựng xong. Long cung cao vút giữa đất bằng: *treo sao làm đấu đỡ, giát nguyệt làm thượng lương* (tác giả nhấn mạnh)" (Văn bia thời Lý 2010: 49)[17]. Trong khi đó, cũng mô tả lại cảnh tượng xây dựng chùa thờ Phật, *Văn bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn* ở Hà Trung, Thanh Hóa còn ghi lại việc làm chùa với cảnh bảo gọt của những người tham gia như sau: "Thế là phát cỏ rậm, bạt đá to. Thầy bói ngắm phương, thợ hay dâng kiểu. Quan thuộc góp tiền, sỹ dân đổ tới. Kém sức *thì bào, thì gọt* (tác giả nhấn mạnh), sành nghề thì dựng, thì xây. Chùa Phật thênh thang ở giữa, phòng chay rộng rãi ở hai bên" (Văn bia thời Lý 2010: 223).

Nghề dệt, sách *Toàn thư* chép: "Tháng 2 (1040), vua (Lý Thái Tông) đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc. Tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho ra để may áo ban cho các quan, từ ngũ phẩm trở lên thì áo bào bằng gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo bào bằng vóc, để tỏ là vua không dùng gấm vóc của nước Tống nữa" (Ngô Sĩ Liên 1993: 261). Qua ghi chép của *Toàn thư*, phải chăng việc vua Lý Thái Tông đã dạy cung nữ dệt ra nhiều gấm vóc, đủ sức phục vụ nhu cầu may mặc trong cung đình, nên đã không cần tới nguồn lụa từ nước Tống, nên mới ban phát cho khắp bá quan văn võ. Sau này, đến thời vua Lý Thánh Tông, mối lương duyên của vua với Ỷ Lan phu nhân càng cho ta thêm cơ sở nhận thức về nghề dệt, đó là năm 1063 nhân việc vua đi xa giá, cầu tự, tình cờ gặp "một người con gái hái dâu cứ nép trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy, gọi đưa vào cung, được vua yêu, phong làm Ỷ Lan phu nhân" (Ngô Sĩ Liên 1993: 273). Rõ ràng, trong dân gian, nếu đã có việc hái dâu, trồng dâu, nuôi tằm tất yếu sẽ có hoạt động canh cửi, ươm tơ và dệt lụa, mà chi tiết chính sử vừa chép là một ví dụ.

8. Nhận xét

Những gì chúng tôi đã trình bày, không phải là bức tranh toàn cảnh về thủ công nghiệp thời Lý, tuy nhiên, có thể khẳng định thủ công nghiệp thời Lý đã phát triển đa dạng, có nhiều nghề tồn tại, một số nghề đã phát triển mạnh về quy mô sản xuất, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của đông đảo đối tượng, ví như nghề đóng thuyền, nghề đúc đồng, nghề làm gạch ngói, nghề chế tác và điêu khắc đá, nghề làm gốm sành, sứ. Trong số này, có những nghề sản phẩm làm ra mà hiện nay chúng ta vẫn trực tiếp nhìn thấy và khẳng định được giá trị.

Thủ công nghiệp thời Lý đã đạt tới trình độ cao trong sản xuất, về kỹ thuật, mỹ thuật và độ tinh xảo, điều đó phản ánh óc sáng tạo, tư duy thẩm mỹ và bàn tay khéo léo của người thợ thủ công. Minh chứng cho trình độ phát triển đó được thể hiện qua các sản phẩm đồ đất nung như phù điêu trang trí rồng, phượng, lá đề, ngói lợp, điêu khắc đá hay đồ gốm sứ.

Thông qua các nghề nêu trên, chúng ta nhận thấy vai trò của nhà nước và dân gian trong quá trình sản xuất các sản phẩm thủ công. Mặc dù tư liệu không quy ước rõ ràng nghề nào của nhà nước, nghề nào của dân gian, nhưng qua nội dung trình bày, chúng tôi nhận thấy các nghề nêu trên đều có sự tham gia của nhà nước và dân gian, mà không có sự phân lập rõ ràng. Một số nghề như đóng thuyền, đúc đồng nhà nước đã trực tiếp chỉ đạo, ban sắc lệnh thực hiện, nhằm phục vụ trực tiếp nhu cầu tôn giáo và nhiệm vụ quân sự, an ninh của nhà nước. Trong dân gian, chúng ta gặp một số nghề thủ công như: nghề chế tác đá, nghề làm giấy, nghề mộc. Tuy nhiên, việc nhận diện thủ công nghiệp nhà nước và dân gian với quy mô, cơ chế tổ chức và vận hành ra sao thì vẫn cần nghiên cứu tiếp.

Chú thích:

1. Kết quả khai quật tháp Chương Sơn còn cho biết thêm: "Di tích tháp Chương Sơn được khai quật trọn vẹn đã tìm thấy 200 di vật đá, 53 di vật đất nung, 155 di vật sứ, chì, sắt, đồng (chỉ tính các di vật nguyên vẹn). Trong số các di vật này, việc chạm khắc chỉ tập trung vào đồ đá và đất nung, trong đó tất cả các di vật đá đều được chạm khắc. Chất liệu điêu khắc đá ở tháp Chương Sơn chiếm địa vị gần như tuyệt đối" (Tống Trung Tín 1997: 143).

2. *Việt sử lược* (Trần Quốc Vượng dịch) (Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý) 2005. Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.

3. *Đại Việt sử ký toàn thư* 1993. Tập I. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Có lẽ ở đây nên dịch là *hai khoang* thì phù hợp hơn.

5. Ở đây cũng vậy, nên dịch là đóng *thuyền chiến* [造 戰 船] thay vì *chiến hạm*.

6. Tạm dịch: "Năm Bính Tuất niên hiệu Long Phù Nguyên hóa thứ 6, tháng 11, vua và các tướng có việc với nước Tống, nên đã làm thuyền Vĩnh Long hai bụng (hai khoang), rồi lại đóng thuyền chiến".

7. Nguyên văn chữ Hán trong: *Đại Việt sử ký toàn thư* 1993. Tập IV, (bản kỷ, quyển III, tờ 23 a-b): 140.

8. Sách *Việt sử lược* chú: "Ngõ chỉ tác: là "ngõ làm giấy"", (Trần Quốc Vượng 2005: 214).

9. Xem *Việt sử lược* (Trần Quốc Vượng 2005: 450, phần chữ Hán).

10. "Có lẽ, vẻ đẹp, sự hoành tráng và tính độc đáo của các công trình kiến trúc thời Lý được nhận thấy rõ ràng nhất qua các loại hình vật liệu trên mái các cung điện đương thời. Đặc sắc, tiêu biểu là các loại ngói ống lợp diềm mái, có đầu trang trí hoa sen hay hình rồng, trên lưng gắn hình lá đề trang trí nổi hình hai con rồng hoặc hai chim phượng đối xứng nhau, được tạo tác rất công phu và mang tính nghệ thuật cao [...]. Bên cạnh những loại ngói nói trên, thời Lý còn sáng chế nhiều loại ngói úp nóc dùng để lợp ở bờ dải hay bờ nóc, trên lưng gắn tượng uyên ương hay hình rồng, phượng nằm trong lá đề lệch. Đây cũng là loại ngói được đánh giá là đặc sắc, mang phong cách truyền thống riêng biệt của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam thời Lý. Qua nghiên cứu so sánh với tất cả loại ngói từ thời Đại La, thời Đinh - Lê và sau đó là thời Lê, có thể khẳng định những loại ngói có hình lá đề trang trí trên lưng ngói chỉ xuất hiện từ thời Lý và nó được xem như những phát kiến quan trọng của thời đại này" (Bùi Minh Trí, Tống Trung Tín 2010: 38-39). Và: "Thời Lý có thể coi là thời kỳ mở đầu hình thức trang trí gắn thêm trên lưng các bộ phận trên mái và xuất hiện loại hình lá đề trang trí trên mái kiến trúc" (Ngô Thị Lan 2010: 78).

11. "Các chi tiết của rồng được chạm khắc tỉ mỉ, chi tiết bằng khắc tay trực tiếp hoặc ... in khuôn toàn bộ [...]. Hình rồng trên lá đề thời Lý được chạm khắc nhiều kiểu khác nhau và được chạm khắc bằng khắc tay

trực tiếp là phổ biến. Lá đề trang trí hình rồng thời Lý đã gặp tương tự như lá đề ở các di tích thời Lý như chùa Phật Tích, chùa Dạm (Bắc Ninh), chùa Cao (Bắc Giang), chùa Bà Tấm (Thăng Long-Hà Nội), Chương Sơn (Nam Định), Long Đọi (Hà Nam), và chùa Lạng (Hưng Yên)" (Ngô Thị Lan 2010: 78).

12. Lý giải thêm cho việc loại gạch này được sản xuất tập trung, quy mô lớn và nhiều khả năng là của nhà nước, tác giả lập luận và cung cấp thêm tư liệu: "Việc đặt ra vấn đề gạch được sản xuất ở một nơi rồi chuyển đi nơi khác, giúp chúng ta lý giải được hiện tượng tương đồng về chất liệu, màu sắc, kỹ thuật và đặc biệt là đấu ấn ghi niên đại bị lỗi về cách thức thể hiện trên gạch *Long Phù Nguyên Hóa* ở hai di tích cách xa nhau trên dưới 30km như tháp Vạn Phong Thành Thiện và tháp Sùng Thiện Diên Linh. Một loại vẫn giữ như cấu trúc truyền thống thời Lý gồm 12 chữ viết từ phải sang trái *Lý gia đệ tứ đế Long Phù Nguyên Hóa ngũ niên tạo*. Một loại chỉ có 11 chữ *Lý gia đệ tứ đế Long Phù Nguyên Hóa ngũ niên*, được cấu trúc ngược lại từ trái sang phải [...]. Sở dĩ có lỗi văn phạm như trên là do lúc khắc dấu, người thợ đã sơ ý khắc sót. Đáng lưu ý là cả hai loại này chưa từng phát hiện ở di tích nào khác ngoài phế tích của hai bảo tháp trên. Sự tương đồng về chất liệu, màu sắc, kích thước, con dấu và thư pháp cho đến cả cùng một lỗi văn phạm chỉ có thể lý giải chúng được in từ một con dấu, và sản xuất từ một khu lò. Vậy lò ấy ở đâu? Sùng Thiện Diên Linh hay Vạn Phong Thành Thiện? Thăng Long hay khu vực nào khác? Chúng tôi nghiêng nhiều về khả năng lò ở khu vực Kinh thành Thăng Long" (Đặng Hồng Sơn 2017: 395).

13. Xem thêm: "Ất Dậu, năm 1045, tháng 3, dựng bia đại nội" (Trần Quốc Vượng 2005: 85).

14. Xem chi tiết trong: *Văn bia thời Lý* (Dịch chú và giới thiệu Nguyễn Văn Thịnh (Chủ trì), Hoàng Văn Lâu, Phạm Văn Ánh) 2010. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

15. "Gốm thời Lý nói chung và gốm men ngọc thời Lý nói riêng là một bước nhảy vọt trong lịch sử gốm sứ cổ Việt Nam. Trước hết, từ bước đệm vài chục năm thời Đinh-Lê, nửa cuối thế kỷ X, gốm thời Lý đã đạt tới nghệ thuật điêu luyện, đứng vào hàng các quốc gia sản xuất đồ gốm men ngọc tiên tiến trên thế giới thời bấy giờ như Trung Quốc, Triều Tiên, Thái Lan" (Hà Văn Tấn 2002: 108).

16. "Kỹ thuật chồng lò nung gốm thời Lý tiến bộ hơn và phức tạp hơn thời Bắc thuộc. Các con kê gốm 4-5 mấu từ chỗ để lại dấu kê to, thô, đến chỗ để lại dấu kê nhỏ, làm tăng thêm vẻ đẹp cho đồ gốm" (Hà Văn Tấn 2002: 108-109).

17. Nếu thông tin ghi trong *Toàn thư* chép về việc tạc hơn một nghìn pho tượng là được thợ tạc từ gỗ, thì điều đó có thể khẳng định nghề mộc dưới thời Lý đã khá thuần thục: "Mùa đông, tháng 10 (1040), mở hội La Hán ở Long Trì, đại xá thiên hạ, tha tội lưu, tội đồ và một nửa tiền thuế cho thiên hạ. Trước đây, vua sai thợ tạc hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm bảo phướn hơn một vạn lá. Đến đây xong việc, làm lễ khánh thành" (Ngô Sĩ Liên 1993: 262).

TÀI LIỆU DẪN

BÙI MINH TRÍ 2016. Hoàng thành Thăng Long phát hiện Khảo cổ học. Trong *Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Đặc san Xưa và nay*, số 467.

BÙI MINH TRÍ, ĐỖ ĐỨC TUỆ 2010. Nhận thức mới về đồ sành tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Trong *Khảo cổ học*, số 4: 80 - 86.

BÙI MINH TRÍ, TỐNG TRUNG TÍN 2010. Giá trị nổi bật toàn cầu, tính chân thực và tính toàn vẹn khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội từ phân tích, đánh giá di tích khảo cổ học. Trong *Khảo cổ học*, số 4; 38 - 39.

ĐẶNG HỒNG SƠN 2016. *Gạch ngói và vật liệu trang trí trên mái thời Lý - Trần - Hồ*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.

ĐẶNG HỒNG SƠN 2017. Biên niên sử đất nung: Niên hiệu in trên gạch thời Lý. Trong *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 3, Số 4.

HÀ VĂN TẤN (Chủ biên) 2002. *Khảo cổ học Việt Nam* (Khảo cổ học lịch sử Việt Nam), tập III. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM. Hoàng thành Thăng Long phát hiện khảo cổ học. Đặc san *Xưa & Nay*.

NGÔ THỊ LAN, TỐNG TRUNG TÍN 2007. Trang trí trên ngói ở Hoàng thành Thăng Long qua tư liệu hố D4 D5-D6 (khu D) ở 18 Hoàng Diệu-Hà Nội. Trong *Khảo cổ học*, số 6: 88 - 108.

NGÔ THỊ LAN 2010. Trang trí hình lá đề trên mái các di tích kiến trúc ở Bắc Việt Nam. Trong *Khảo cổ học*, số 1: 78.

NGÔ SĨ LIÊN VÀ CÁC SỬ THẦN TRIỀU LÊ 1993. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I và tập IV. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

TỐNG TRUNG TÍN 1997. *Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý và thời Trần (thế kỷ XI - XIV)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

TỐNG TRUNG TÍN 2017. Từ tư liệu kỹ thuật kê nung gốm mem thời Lý - Trần ở Kinh đô Thăng Long góp bàn về niên đại và chủ nhân khu lò gốm Gò Sành (Bình Định). Hội thảo khoa học quốc tế: *Gốm cổ Bình Định -Vương quốc Vijaya và mối quan hệ với Kinh đô Thăng Long - Đại Việt (thế kỷ XI - XV)*, Quy Nhơn, ngày 27 28 tháng 10.

VĂN BIA THỜI LÝ (Dịch chú và giới thiệu Nguyễn Văn Thịnh (Chủ trì), Hoàng Văn Lâu, Phạm Văn Ánh) 2010. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

VIỆT SỬ LƯỢC (Trần Quốc Vượng dịch) (Đinh Khắc Thuân đối chiếu, chỉnh lý) 2005. Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.

PRELIMINARY RESEARCH ON SOME LÝ-PERIOD HANDICRAFTS

ĐỖ DANH HUẤN

Handicrafts were economic activities that played an important role in the Lý-period society. The current data are not enough for us to fully restore all of the handicrafts from the Lý-dynasty period. However, based on the historical, archaeological data and some other sources, the author is able to initially identify some of the Lý-period handicrafts such as boat building; bronze, gold and silver casting; paper, brick, terracotta, ceramics and porcelain making, sculpture, etc.

From the research results, the author states that the Lý-period handicrafts strongly developed in diversity, some of which reached high levels of technique and fine arts. It is possible to initially realize that the state and the folk both participated in the handicrafts without a clear separation. Many of the handicraft products made in the Lý-dynasty period have still existed until today serve as clear evidence for that judgment.